Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 16/03/2020 10:01:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /2020/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Căn cứ Công văn số 78/HĐND-KTNS ngày 26/02/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh "V/v mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh";

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5914/TTr-STC ngày 27 tháng 12 năm 2019; Báo cáo thẩm định số: 315/BC-STC ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp:

a. Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;

b. Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;

c. Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh giao khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 7.500.000 đồng/ha/năm;

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm;

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển: 7.500.000 đồng/ha/năm;

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm;

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm. Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh;

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

b. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa có quy định mức thu cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trong trường hợp cần thiết phải thành lập Hội đồng xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển.

c. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trên địa bàn địa giới hành chính của địa phương.

d. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thống nhất với Bộ Tài chính trước khi quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tại Điều 3 Quyết định này trong trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a. Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển.

b. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 3 Quyết định này và đề nghị xin giao khu vực biển của các tổ chức, cá nhân, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển, trong đó ghi cụ thể mức thu tiền sử dụng khu vực biển, hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển, số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển đó theo quy định.

3. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

a. Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp căn cứ theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 3 Quyết định này.

b. Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

c. Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển.

d. Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi.

đ. Hàng năm tổng hợp số liệu về thu nộp tiền sử dụng khu vực biển tại địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Thuế, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

4. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

a. Thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế.

b. Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

c. Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc và đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển:

a. Nộp tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan Thuế.

b. Quá thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Thông báo của cơ quan Thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, P1, P3;
- Như Điều 5 (để thực hiện);
- V0, V3, QLĐĐ1,3;
- Lưu: VT, QLĐĐ1.

L05 bản, QĐ26.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Tường Huy